TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 557/2024/DS-ST.
Ngày 02-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Th.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn T;
2. Bà Trần Thị H.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Chiêm Tiền Quí Nh – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T *tham gia phiên tòa*: Ông Trương Hoài N – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 489/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Đàm Thị Quốc K, sinh năm 1960,
Địa chỉ: phường Th, quận P, Thành phố H. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1982,
Địa chỉ: phường H, quận T, Thành phố H. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Đàm Thị Quốc K, trình bày: Ngày 01/01/2017, bà có cho bà Trần Thị Kim L vay 05 lượng vàng (gồm 03 lượng vàng 9999 và 02 lượng vàng SJC). Đôi bên có thỏa thuận cuối năm 2022, bà L sẽ trả hết khoản vay nói trên, vì là người trong gia đình nên bà không lấy lãi đối với khoản vay. Tuy nhiên khi đến thời hạn, bà L cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà L chỉ trả được một ít, cụ thể: ngày 19/01/2023, trả 01 chỉ vàng 9999; ngày 10/02/2023, trả 0,5 chỉ vàng 9999 và sau đó trả thêm 1,5 chỉ vàng 9999. Tổng cộng, bà L đã trả được 03 chỉ vàng 9999 và còn nợ 04 lượng 07 chỉ vàng (gồm 02 lượng 07 chỉ vàng 9999 và 02 lượng vàng SJC). Do đó, bà yêu cầu bà L phải trả số nợ còn lại là 04 lượng

07 chỉ vàng (gồm 02 lượng 07 chỉ vàng 9999 và 02 lượng vàng SJC) được quy thành tiền tương đương tại thời điểm xét xử, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà xin rút lại một phần yêu cầu về việc buộc bà L phải tiếp tục chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất là 1%/tháng, tính từ ngày 01/4/2023 cho đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Trần Thị Kim L, trình bày: Ngày 01/01/2017, bà chỉ vay của bà K số tiền 140.000.000 đồng và năm 2019 thì vay thêm 01 lượng vàng 9999, khi vay thì có thỏa thuận lãi nhưng chỉ thỏa thuận miệng nên không có ghi giấy tờ gì. Từ tháng 01/2017 đến tháng 4/2020, bà có trả lãi mỗi tháng 2.000.000 đồng, tổng cộng đã trả được 76.000.000 đồng. Đối với 01 lượng vàng 9999 đã vay thì bà đã trả được 03 chỉ và còn nợ 07 chỉ 9999. Bà xác định chỉ nợ bà K số tiền đã vay là 140.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 9999. Do không có khả năng trả nợ một lần nên bà xin trả dần cho bà K mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

* Bà K vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, buộc bà L phải trả 04 lượng 07 chỉ vàng (gồm 02 lượng 07 chỉ vàng 9999 và 02 lượng vàng SJC) được quy ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà xin rút lại một phần yêu cầu về việc buộc bà L phải tiếp tục chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất là 1%/tháng, tính từ ngày 01/4/2023 cho đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bà L xác định chỉ vay của bà K số tiền 140.000.000 đồng và 01 lượng vàng 9999, khi vay thì có thỏa thuận lãi nhưng chỉ thỏa thuận miệng nên không có ghi giấy tờ gì. Bà đã trả lãi được 76.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 9999. Bà xác định còn nợ bà K số tiền là 140.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 9999, do không có khả năng trả nợ một lần nên bà xin trả dần cho bà K mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định, tuy nhiên về thời hạn xét xử có chậm hơn so với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: Qua xem xét giấy vay tiền ngày 01/01/2017, thể hiện cá nhân bà L đã vay của bà K là 05 lượng vàng (gồm 03 lượng vàng 9999 và 02 lượng

vàng SJC), bà L cam kết cuối năm 2022 sẽ trả cho bà K. Qua sự thừa nhận của các bên, thì bà L đã trả được 03 chỉ vàng 9999, như vậy bà L còn nợ 04 lượng 07 chỉ vàng (gồm 02 lượng 07 chỉ vàng 9999 và 02 lượng vàng SJC). Do đó, bà K yêu cầu bà L phải trả 04 lượng 07 chỉ vàng nói trên được quy ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà K.

Bà K xin rút lại một phần yêu cầu về việc buộc bà L phải tiếp tục chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất là 1%/tháng, tính từ ngày 01/4/2023 cho đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn tự nguyện, đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu trên của bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, bị đơn bà Trần Thị Kim L hiện có địa chỉ cư trú tại số phường H, quận T, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L cho rằng đây là nợ riêng của bà và bà K cũng xác định chỉ cho cá nhân bà L vay nên chỉ yêu cầu một mình bà L phải có trách nhiệm trả nợ. Vì vậy, Tòa án xác định ông Nguyễn Thanh T (chồng của bà L, hiện nay đã ly hôn) không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không đưa ông T tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp vay tài sản giữa bà K với bà bà L.

[2] Về nội dung: Giữa bà K với bà L có ký thỏa thuận vay tài sản với nhau. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thì phát sinh tranh chấp nên bà K khởi kiện bà L tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà K và ý kiến của bà L, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[2.1] Căn cứ "Giấy vay tiền" ngày 01/01/2017 được ký giữa các bên thể hiện bà L đã vay của bà K là 05 lượng vàng (gồm 03 lượng vàng 9999 và 02 lượng vàng SJC), bà L cam kết đến cuối năm 2022 sẽ trả toàn bộ số nợ đã vay. Tại Biên bản đối chất ngày 15/7/2024, bà K và bà L đều thừa nhận có ký giấy vay tiền ngày 01/01/2017 với nội dung như trên. Cũng tại Biên bản đối chất ngày 15/7/2024 cùng với sự thừa nhận của các bên tại phiên tòa thì bà L đã trả cho bà K được 03 chỉ vàng 9999. Như vậy, có cơ sở xác định bà L còn nợ bà K là 04 lượng 07 chỉ vàng (gồm 02 lượng 07 chỉ vàng 9999 và 02 lượng vàng SJC).

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà K yêu cầu bà L phải trả 04 lượng 07 chỉ vàng (gồm 02 lượng 07 chỉ vàng 9999 và 02 lượng vàng SJC) được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử.

Xét thấy, theo khoản 4 Điều 19 của Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ quy định "*Sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán*" là "*Hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng*". Từ quy định trên, nên bà K yêu cầu bà L phải trả số vàng còn nợ được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ giá vàng mua vào được niêm yết trên Website của Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Sài Gòn thì ngày 02/8/2024 (ngày xét xử vụ án), vàng 9999 có giá 76.050.000đồng/lượng và vàng SJC có giá 77.800.000đồng/lượng. Như vậy, 02 lượng 07 chỉ vàng 9999 được quy đổi thành tiền là 205.335.000 đồng và 02 lượng vàng SJC được quy đổi thành tiền là 155.600.000 đồng. Do đó, bà L phải trả cho bà K 04 lượng 07 chỉ vàng (gồm 02 lượng 07 chỉ vàng 9999 và 02 lượng vàng SJC) được quy ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử là 360.935.000 đồng.

Từ những nhận định nói trên, đối với yêu cầu của bà K buộc bà L phải trả 04 lượng 07 chỉ vàng (gồm 02 lượng 07 chỉ vàng 9999 và 02 lượng vàng SJC) được quy ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử là 360.935.000 đồng, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.3] Đối với một phần yêu cầu bà K xin rút lại, về việc buộc bà L phải tiếp tục chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất là 1%/tháng, tính từ ngày 01/4/2023 cho đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của bà K là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu nói trên theo quy định của pháp luật.

[2.4] Bà L cho rằng chỉ vay số tiền 140.000.000 đồng và 01 lượng vàng 9999, khi vay thì có thỏa thuận lãi nhưng chỉ thỏa thuận miệng nên không có ghi giấy tờ gì và bà đã trả lãi được 76.000.000 đồng cùng 03 chỉ vàng 9999. Bà xác định chỉ còn nợ bà K số tiền 140.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 9999. Bà có ý kiến xin trả dần mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, qua đối chất và tại phiên tòa, bà L không cung cấp được các chứng cứ chứng minh về việc chỉ vay tiền và đã trả lãi cho bà K. Bà L cũng thừa nhận chỉ thỏa thuận miệng về lãi nên không có ghi giấy tờ gì. Vì vậy, đối với ý kiến của bà L cho rằng đã vay số tiền 140.000.000 đồng và đã trả lãi được 76.000.000 đồng là không có căn cứ xem xét. Đồng thời, bà L cũng có ý kiến xin trả nợ mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng nhưng không được bà K chấp nhận. Vì vậy, ý kiến xin trả dần số tiền còn nợ của bà L là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà K, buộc bà L phải trả 04 lượng 07 chỉ vàng (gồm 02 lượng 07 chỉ vàng 9999 và 02 lượng vàng SJC) được quy ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử là 360.935.000 đồng, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà K xin rút lại một phần yêu cầu buộc bà L phải tiếp tục chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 01/4/2023 cho đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật

là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu trên theo quy định.

Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tại phiên Tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì bà L chịu trách nhiệm trả nợ cho bà K nên phải chịu án phí theo quy định. Bà L phải chịu án phí là 18.046.750 đồng.

Bà Đàm Thị Quốc K là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 217; Điều 218; Điều 220; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của UBTVQH**.**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị Quốc K.

Buộc bà Trần Thị Kim Lphải trả cho bà Đàm Thị Quốc K số tài sản vay còn nợ là 04 (bốn) lượng 07 (bảy) chỉ vàng (gồm 02 lượng 07 chỉ vàng 9999 và 02 lượng vàng SJC) được quy ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử là 360.935.000 (ba trăm sáu mươi triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn) đồng, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà K có yêu cầu thi hành án nếu bà L chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Đàm Thị Quốc K về việc buộc bà Trần Thị Kim Lphải tiếp tục chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 01/4/2023 cho đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí DSST:

3.1. Bà Trần Thị Kim L phải chịu án phí là 18.046.750 (mười tám triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng) đồng.

3.2. Bà Đàm Thị Quốc K là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

4. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với yêu cầu khởi kiện do đương sự rút đã được đình chỉ, đương sự được kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại địa phương.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự).

Nơi nhận:
- TAND TP.H;
- VKSND quận T;
- CC THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP (Nh).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)
Nguyễn Thành Th